



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 4 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch
Ông Lyu ZhiMing	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 9 năm 2023)
Ông Yang XiaoWei	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Bà Thái Thị Duyên Hải	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Ông Phạm Văn Thuyết	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Ông Yang XiaoDong	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Ông Huang HongJian	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Ông ZhouHao	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Lyu ZhiMing	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 10 năm 2024)
	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)
Ông Triệu Quang Thanh	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 10 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Huang HongJian	(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 22 tháng 02 năm 2024)
Ông Lyu ZhiMing	(Từ ngày 22 tháng 02 năm 2024 đến ngày 25 tháng 10 năm 2024)
Ông Zhu ZhiLin	(Từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 25 tháng 3 năm 2025)
Ông Triệu Quang Thanh	(Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến nay)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Triệu Quang Thanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Số: 192/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 4 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ Thư xác nhận độc lập cho các khoản Tiền gửi ngân hàng (bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn), Phải thu về cho vay, Phải thu khác (cụ thể các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên), các khoản Vay và nợ thuê tài chính, Chi phí phải trả, Phải thu khách hàng, Trả trước cho người bán, Phải trả người bán và Người mua trả tiền trước với số tiền lần lượt là khoảng 12,7 tỷ VND; 12,5 tỷ VND; 9,7 tỷ VND; 18,6 tỷ VND; 7,2 tỷ VND, 32,2 tỷ VND, 8,2 tỷ VND, 15,5 tỷ VND và 3,4 tỷ VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để đảm bảo tính hiện hữu của các khoản công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với số dư các khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.
- Bên cạnh đó, chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho, Tài sản cố định hữu hình và các công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để đảm bảo tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản mục này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với giá trị các khoản mục Hàng tồn kho, Tài sản cố định hữu hình và Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.
- Từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 (ngày của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 23) đến ngày 25 tháng 3 năm 2025 (ngày của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 24), tại Công ty xảy ra các tranh chấp quyền điều hành hoạt động doanh nghiệp giữa các cổ đông dẫn đến ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp pháp, tuân thủ pháp luật cũng như tính đầy đủ của các giao dịch phát sinh trong giai đoạn từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 (ngày kết thúc năm tài chính), theo đó chúng tôi cũng không thể đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến các số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng không xác định được tính đầy đủ của các giao dịch có thể phát sinh và các rủi ro tiềm tàng có thể xảy ra do ảnh hưởng của vấn đề tranh chấp nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

- Trong năm 2024, Công ty phát sinh một số giao dịch bằng tiền với cổ đông là ông Zhu ZhiLin (đồng thời là người đại diện của pháp luật của Công ty tại thời điểm phát sinh giao dịch) với giá trị khoảng 3,5 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng để xác định liệu các giao dịch trên có vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến việc công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay cho các cổ đông hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có khoản cho vay và lãi dự thu Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Bên liên quan của Công ty) với số tiền lần lượt khoảng 24,3 tỷ VND và 6,2 tỷ VND; khoản cho vay và lãi dự thu Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc với số tiền lần lượt khoảng 4 tỷ VND và 414 triệu VND; khoản cho vay và lãi dự thu Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam với số tiền lần lượt khoảng 3 tỷ VND và 294 triệu VND; khoản cho vay và lãi dự thu Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê với số tiền lần lượt khoảng 1 tỷ VND và 76 triệu VND; khoản cho vay và lãi dự thu Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung với số tiền lần lượt khoảng 1 tỷ VND và 11 triệu VND; khoản cho vay và lãi dự thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á với số tiền lần lượt khoảng 3,5 tỷ VND và 199 triệu VND. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, trong đó khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc, khoản cho vay Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam và khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của khoản cho vay và lãi dự thu này, theo đó chúng tôi không thể xác định được dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng đối với một số khoản trả trước cho người bán, công nợ tạm ứng tồn đọng lâu ngày và phải thu khác khó thu hồi với giá trị lần lượt khoảng 567 triệu VND, 9,9 tỷ VND và 2 tỷ VND. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán riêng khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi sẽ tăng lên, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm với số tiền khoảng 12,6 tỷ VND.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được đối với một số nguyên vật liệu tồn kho với giá trị ghi sổ khoảng 8,1 tỷ VND, hàng hóa kinh doanh với giá trị ghi sổ khoảng 850 triệu VND, hàng hóa bất động sản với giá trị ghi sổ khoảng 1,1 tỷ VND và một số công trình do Công ty thi công với giá trị ghi sổ khoảng 991 triệu VND. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về vấn đề này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.
- Trong năm, Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ phải trả về phạt chậm thanh toán phát sinh từ khoản vay của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN với số tiền nợ gốc đã quá hạn đang ghi sổ kế toán là 18,6 tỷ VND. Nếu Công ty ghi nhận khoản phạt chậm trả theo điều khoản quy định trong hợp đồng thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khoản mục chi phí phải trả sẽ tăng khoảng 4 tỷ VND (bao gồm tiền phạt năm 2023 là 1,1 tỷ VND và tiền phạt năm 2024 là 2,9 tỷ VND), đồng thời trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khoản mục chi phí tài chính sẽ tăng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ giảm khoảng 2,9 tỷ VND.
- Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm tra, soát xét cần thiết đối với Báo cáo tài chính Công ty liên kết của Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các điều chỉnh đã được thực hiện liên quan đến việc Công ty đánh giá khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thực hiện loại trừ đầy đủ một số khoản công nợ nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con. Nếu thực hiện loại trừ đầy đủ các khoản công nợ này thì các chỉ tiêu phải thu khác và phải trả khác trên báo cáo tài chính hợp nhất sẽ cùng giảm đi với giá trị khoảng 3 tỷ VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025



Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.458.715.801	153.982.580.182
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.936.770.926	3.433.568.996
1. Tiền	111		8.936.770.926	3.433.568.996
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.062.000.000	21.708.021.918
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	7.062.000.000	21.708.021.918
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.811.146.109	85.471.602.569
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	84.859.953.810	84.118.274.017
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.281.114.806	8.297.582.131
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	12.500.000.000	8.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	16.863.378.398	10.724.612.084
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(27.693.300.905)	(25.668.865.663)
IV. Hàng tồn kho	140	11	14.346.739.801	14.146.148.148
1. Hàng tồn kho	141		15.572.223.469	14.802.625.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.225.483.668)	(656.477.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.302.058.965	29.223.238.551
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	365.787.609	432.991.495
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.936.271.356	28.790.247.056
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.539.944.741	118.143.804.848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.722.676.770	32.104.276.678
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	27.372.429.335	27.372.429.335
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	6.350.247.435	4.731.847.343
II. Tài sản cố định	220		12.110.771.556	13.079.945.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	11.412.842.134	12.357.601.134
- Nguyên giá	222		32.804.488.919	31.427.568.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.391.646.785)	(19.069.967.785)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	697.929.422	722.344.419
- Nguyên giá	228		1.408.758.913	1.408.758.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(710.829.491)	(686.414.494)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.079.877.554	1.851.901.617
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.079.877.554	1.851.901.617
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	16.450.000.000	16.302.816.359
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		16.450.000.000	16.302.816.359
V. Tài sản dài hạn khác	260		53.176.618.861	54.804.864.641
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	53.146.001.315	54.774.247.095
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		30.617.546	30.617.546
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		270.998.660.542	272.126.385.030

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		112.495.071.676	105.746.065.053
I. Nợ ngắn hạn	310		112.113.798.973	105.271.516.402
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	76.829.197.863	77.383.238.123
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	3.554.245.784	895.343.501
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	46.637.909	124.375.827
4. Phải trả người lao động	314		674.453.069	114.978.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	7.323.001.391	6.072.249.298
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	93.842.912	140.118.671
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	4.940.190.045	2.521.885.232
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	18.652.230.000	17.826.600.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	192.726.942
II. Nợ dài hạn	330		381.272.703	474.548.651
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	381.272.703	408.581.847
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	65.966.804
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.503.588.866	166.380.319.977
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	158.503.588.866	166.380.319.977
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(48.610.057.820)	(40.733.326.709)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(40.733.326.709)	(41.592.625.133)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(7.876.731.111)	859.298.424
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		270.998.660.542	272.126.385.030



Triệu Quang Thanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Trần Thị Hẹn
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		347.696.310.918	309.092.519.276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		183.326.895	7.864.478
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	347.512.984.023	309.084.654.798
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	328.395.617.463	284.552.404.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19.117.366.560	24.532.250.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	3.406.013.025	6.260.746.564
7. Chi phí tài chính	22	30	2.741.567.461	1.827.572.521
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.339.549.993	1.263.872.521
8. Lỗ trong công ty liên kết	24		147.183.641	(147.183.641)
9. Chi phí bán hàng	25	31	12.229.699.120	11.388.928.592
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	14.426.383.227	15.239.181.449
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(6.727.086.582)	2.190.130.497
12. Thu nhập khác	31	33	258.693.746	16.594.357
13. Chi phí khác	32	34	1.408.338.275	1.212.426.430
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.149.644.529)	(1.195.832.073)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(7.876.731.111)	994.298.424
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(7.876.731.111)	994.298.424
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(7.876.731.111)	994.298.424
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	(417,42)	45,54



Triệu Quang Thanh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Trần Thị Hên
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

(Signature)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	355.933.748.943	296.801.483.529
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(366.685.468.295)	(299.971.805.590)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.387.634.856)	(7.983.600.908)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(5.616.439)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	21.282.834.010	22.458.337.213
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.467.216.645)	(8.291.576.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.329.353.282)	3.012.837.575
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.456.797.554)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.850.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.062.000.000)	(29.702.118.108)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.208.021.918	32.781.972.014
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(16.450.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.351.560.040	2.776.226.743
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.890.784.404	(10.593.919.351)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.500.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.500.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(59.850.000)	(86.900.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.850.000)	(86.900.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.501.581.122	(7.667.982.076)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.433.568.996	11.101.551.072
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.620.808	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.936.770.926	3.433.568.996



Triệu Quang Thanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Trần Thị Hẹn
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 25 tháng 03 năm 2025 với mã số doanh nghiệp là 0102349865.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 188.700.000.000 VND tương ứng với 18.870.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là PCG.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 46 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 51 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- i;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Công ty có một văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng để thực hiện hoạt động bán hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 4 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính bao gồm:

Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk	Đắk Lắk	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH Thương mại Thiết bị Năng lượng Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật PCG Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Xây dựng
Công ty TNHH VN PCG Phú Vinh	Hà Tĩnh	100%	100%	Kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	Hà Nội	47%	47%	Tư vấn quản lý

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu báo cáo tài chính của năm trước đảm bảo khả năng so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các nội dung sửa đổi theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và giữa các công ty con với Công ty đã được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Bốn công ty con của Công ty đều do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ nên không có lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là các công trình xây lắp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	05
Tài sản cố định khác	03 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất của Công ty là 37 năm, thương hiệu và phần mềm máy tính có thời gian khấu hao từ 03 năm đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng trả trước tại địa điểm tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm từ ngày 10 tháng 8 năm 2010.
- Tiền thuê quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng trên đất trong Khu công nghiệp Phú Vinh với thời hạn thuê đến ngày 01 tháng 10 năm 2060 được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 03 năm. Chi phí bảo hiểm phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian bảo hiểm thực tế.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay, chi phí phải trả khác..., trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất áp dụng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được các bên xác nhận nghiệm thu. Các khoản chi phí hợp đồng xây dựng có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung
Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Lãnh đạo chủ chốt

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là sản xuất, kinh doanh gas dân dụng, gas công nghiệp và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	273.034.904	161.113.007
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.663.736.022	3.272.455.989
Cộng	8.936.770.926	3.433.568.996

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	7.062.000.000	21.708.021.918
Cộng	7.062.000.000	21.708.021.918

Ghi chú:

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với số tiền 3.062.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.108.021.918 VND) đã được Công ty dùng để đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Best Pacific Việt Nam	44.258.233.150	39.747.329.134
Công ty Cổ phần Đức chính xác CQS MAY'S	3.763.349.832	6.565.533.487
Các đối tượng khác	36.838.370.828	37.805.411.396
Cộng	84.859.953.810	84.118.274.017

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (i)	5.577.000.000	5.577.000.000
Các đối tượng khác	2.704.114.806	2.720.582.131
Cộng	8.281.114.806	8.297.582.131

Ghi chú:

- (i) Khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2533/2017/HĐMB-UVK và 2534/2017/HĐMB-UVK ngày 05 tháng 01 năm 2017 để mua 02 căn hộ tòa nhà CT4-108 thuộc Dự án USILK City do Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long làm chủ đầu tư cho mục đích đầu tư để bán. Theo Hợp đồng trên, các căn hộ này sẽ được bàn giao chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các căn hộ này vẫn chưa được bàn giao. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với toàn bộ khoản trả trước cho người bán này như trình bày tại Thuyết minh số 10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.500.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (ii)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam (iii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê (iv)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á (v)	3.500.000.000	
Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư Everyoung (vi)	1.000.000.000	
b) Dài hạn	27.372.429.335	27.372.429.335
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á (vii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú - Bên liên quan (i)	24.372.429.335	24.372.429.335
Cộng	39.872.429.335	35.372.429.335

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Cổ đông cũ của Công ty) không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 09 tháng 5 năm 2018 và Phụ lục bổ sung số 5 ngày 02 tháng 6 năm 2024 gia hạn khoản cho vay đến ngày 02 tháng 6 năm 2043, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (ii) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 18/HĐKT ngày 06 tháng 12 năm 2022 với kỳ hạn 1 năm và không tính lãi.
- (iii) Khoản cho vay Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 05/HĐKT ngày 10 tháng 01 năm 2023, thời gian cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (iv) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cho vay số 150523/HĐKT ngày 17 tháng 5 năm 2023 có hạn mức là 1.500.000.000 VND, số tiền vay được giải ngân theo nhu cầu vay từng lần trong năm, thời gian cho vay 1 năm, từ ngày 17 tháng 5 năm 2023, lãi suất cho vay 5%/năm.
- (v) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á theo Hợp đồng số 01HĐCV/GAS-CATA/2024 ngày 26 tháng 4 năm 2024 với số tiền vay 3.500.000.000 VND, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024, lãi suất 5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung theo Hợp đồng số 1510/HĐVT/GAS-YOUNG/2024 ngày 15 tháng 10 năm 2024 với số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 1 năm kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2024, lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (vii) Khoản cho vay Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á theo Hợp đồng số 24/HĐKT ngày 19 tháng 12 năm 2023 với số tiền vay 3.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 3 năm kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2023, lãi suất 5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	4.988.871.675	-	1.891.510.998	-
Tạm ứng	534.425.942	-	584.956.155	-
Ký cược, ký quỹ	135.750.874	-	267.441.385	-
Lãi dự thu	1.075.141.785	-	825.873.202	-
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	90.484.258	-	825.873.202	-
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Cát Á	199.315.068	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	414.246.572	-	-	-
- Công ty TNHH Chuyển phát nhanh & Dịch vụ KCO Việt Nam	294.246.574	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Song Khê	76.849.313	-	-	-
Các khoản phải thu khác	3.243.553.074	-	213.240.256	-
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	11.874.506.723	-	8.833.101.086	-
Tạm ứng	9.774.753.298	-	8.833.101.086	-
- Ông Zhu Zhilin	5.157.509.847	-	5.157.509.847	-
- Ông Wu ZhiJun	2.350.931.730	-	2.350.931.730	-
- Ông Yang XiaoWei	1.198.311.721	-	1.178.311.721	-
- Ông Chen Qing Huang	68.000.000	-	146.347.788	-
- Ông Nguyễn Trúc Lâm	1.000.000.000	-	-	-
Lãi dự thu	11.753.425	-	-	-
- Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	11.753.425	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.088.000.000	-	-	-
- Ông Zhu Zhilin	2.085.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	3.000.000	-	-	-
c) Phải thu khác dài hạn	146.400.000	-	82.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	146.400.000	-	82.400.000	-
d) Phải thu khác dài hạn là bên liên quan	6.203.847.435	-	4.649.447.343	-
Lãi dự thu	6.203.847.435	-	4.649.447.343	-
- Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	6.203.847.435	-	4.649.447.343	-
Cộng	23.213.625.833	-	15.456.459.427	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	9.583.942.801	-	(9.583.942.801)	-
Công ty TNHH MTV Dầu khí Việt Hải	2.973.279.100	-	(2.973.279.100)	-
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Đô	2.905.659.887	-	(2.905.659.887)	-
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Bắc Giang	2.625.291.171	-	(2.625.291.171)	-
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	2.870.539.974	13.322.354	(2.857.217.620)	966.161.992
Công ty TNHH Đầu tư đa ngành Thành Lợi	2.054.625.909	-	(2.054.625.909)	616.387.773
Tianjin Ruoshui Energy Technology Co., Ltd.	1.215.136.510	1.000.000	(1.214.136.510)	-
Các đối tượng khác	3.893.240.135	414.092.228	(3.479.147.907)	218.357.402
Cộng	28.121.715.487	428.414.582	(27.693.300.905)	1.800.907.167
				(25.668.865.663)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.392.373.829	(536.294.756)	8.436.790.991	(536.294.756)
Công cụ, dụng cụ	15.255.725	-	15.255.725	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	2.947.333.819	(689.188.912)	2.481.943.193	(120.183.011)
Hàng hoá:	4.217.260.096	-	3.868.636.006	-
- Gas, khí hóa lỏng	3.094.655.703	-	2.746.031.613	-
- Bất động sản	1.122.604.393	-	1.122.604.393	-
	15.572.223.469	(1.225.483.668)	14.802.625.915	(656.477.767)

Ghi chú:

(i) Chi tiết các dự án thực hiện dở dang như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án tòa nhà BNG	1.281.605.901	(569.005.901)	1.281.605.901	-
Hệ thống cấp gas trung tâm nhà máy SAB Thanh Hóa	-	-	401.935.293	-
Hệ thống gas TTTM Khách sạn Dịch vụ (A&B Centre)	-	-	240.501.024	-
Hệ thống cấp gas cho dự án FLC Hạ Long	228.882.550	(120.183.011)	228.882.550	(120.183.011)
Hệ thống cấp gas cho Nhà máy H&K	1.013.318.320	-	-	-
Các dự án khác	423.527.048	-	329.018.425	-
Cộng	2.947.333.819	(689.188.912)	2.481.943.193	(120.183.011)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	365.787.609	432.991.495
Chi phí bảo hiểm	67.756.407	50.796.853
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	41.030.075	86.349.284
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	257.001.127	295.845.358
b) Dài hạn	53.146.001.315	54.774.247.095
Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng gắn liền với đất (i)	30.521.688.834	31.355.908.350
Tiền thuê văn phòng (ii)	21.827.057.500	22.440.002.868
Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.843.109	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	789.411.872	978.335.877
Cộng	53.511.788.924	55.207.238.590

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại Khu công nghiệp Phú Vinh thuộc Khu Kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2019/HĐTĐ/PV ngày 07 tháng 01 năm 2019 và các Phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê đất đến ngày 01 tháng 10 năm 2060 với mục đích đầu tư hệ thống cung cấp khí trung tâm và vận hành kinh doanh theo Văn bản phê duyệt dự án số 6167333488 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ban quản lý Kinh tế tỉnh Hà Tĩnh, Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Cơ quan có thẩm quyền cấp.
- (ii) Khoản tiền thuê văn phòng tầng 4 tại tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng thuê văn phòng số 2909/2010/HĐ-VQKVN ngày 21 tháng 12 năm 2010 và các Phụ lục kèm theo với thời hạn thuê 50 năm đến ngày 10 tháng 8 năm 2060.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	1.995.855.329	2.191.867.863	2.346.230.910	56.450.000	24.837.164.817	31.427.568.919	
Mua sắm	-	-	1.376.920.000	-	-	1.376.920.000	
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	1.851.901.617	1.851.901.617	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(1.851.901.617)	(1.851.901.617)	
Số dư cuối năm	1.995.855.329	2.191.867.863	3.723.150.910	56.450.000	24.837.164.817	32.804.488.919	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	375.066.309	1.333.473.873	1.786.572.543	56.450.000	15.518.405.060	19.069.967.785	
Khấu hao trong năm	38.495.088	171.822.276	394.688.410	-	1.716.673.226	2.321.679.000	
Số dư cuối năm	413.561.397	1.505.296.149	2.181.260.953	56.450.000	17.235.078.286	21.391.646.785	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	1.620.789.020	858.393.990	559.658.367	-	9.318.759.757	12.357.601.134	
Số dư cuối năm	1.582.293.932	686.571.714	1.541.889.957	-	7.602.086.531	11.412.842.134	

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 5.952.912.858 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 5.435.988.873 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
Số dư cuối năm	907.278.913	70.000.000	431.480.000	1.408.758.913
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	184.934.494	70.000.000	431.480.000	686.414.494
Khấu hao trong năm	24.414.997	-	-	24.414.997
Số dư cuối năm	209.349.491	70.000.000	431.480.000	710.829.491
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	722.344.419	-	-	722.344.419
Số dư cuối năm	697.929.422	-	-	697.929.422

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 501.480.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 501.480.000 VND).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trạm LDR Long AN	-	1.851.901.617
Trạm nạp LPG CAYI - Bắc Ninh	1.079.877.554	-
Cộng	1.079.877.554	1.851.901.617

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐỒ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	16.450.000.000	16.450.000.000	-	16.302.816.359
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	16.450.000.000	16.450.000.000	-	16.302.816.359
Cộng	16.450.000.000	16.450.000.000	-	16.302.816.359

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì công ty trên không phải Công ty đại chúng và không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư và cũng chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Giao dịch phát sinh với Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 36 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dầu khí Đài Hải	29.670.222.931	29.670.222.931	53.673.695.021	53.673.695.021
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long	27.781.171.268	27.781.171.268	7.209.728.993	7.209.728.993
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Phú Vinh	3.824.700.000	3.824.700.000	3.824.700.000	3.824.700.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Trung	1.553.040.005	1.553.040.005	3.644.104.704	3.644.104.704
Công ty Cổ phần Nội thương Bắc	5.559.068.534	5.559.068.534	2.783.606.044	2.783.606.044
Các đối tượng khác	8.440.995.125	8.440.995.125	6.247.403.361	6.247.403.361
Cộng	76.829.197.863	76.829.197.863	77.383.238.123	77.383.238.123

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Sản phẩm gia dụng JieLing Việt Nam	1.877.403.503	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	108.699.539	108.699.539
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	712.600.000	712.600.000
Công ty TNHH Kaidi Electrical International Việt Nam	675.000.000	-
Các đối tượng khác	180.542.742	74.043.962
Cộng	3.554.245.784	895.343.501

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	96.562.650	13.063.138.871	13.155.002.805	4.698.716
Thuế thu nhập cá nhân	27.793.177	186.896.334	172.750.318	41.939.193
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	193.656.871	193.676.871	-
Cộng	124.375.827	13.443.692.076	13.521.429.994	46.637.909

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.277.497.530	5.943.563.976
Các khoản chi phí phải trả khác	45.503.861	128.685.322
Cộng	7.323.001.391	6.072.249.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu bán IC Card	93.842.912	140.118.671
Cộng	93.842.912	140.118.671

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	4.940.190.045	2.521.885.232
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	993.055.200	1.056.055.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	610.453.147	616.907.799
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	80.009.124	73.601.720
Các khoản khác	3.256.672.574	775.320.513
b) Phải trả dài hạn khác	381.272.703	408.581.847
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	381.272.703	408.581.847
Cộng	5.321.462.748	2.930.467.079

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ

Tầng 4, số 167 Trung Kính, phường Yên Hoà,
Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
Nguyễn Thanh Tú	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN	18.652.230.000	18.652.230.000	825.630.000	-	17.826.600.000	17.826.600.000
Cộng	18.652.230.000	18.652.230.000	10.325.630.000	9.500.000.000	17.826.600.000	17.826.600.000

Khoản vay từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Tập đoàn ENN theo Hợp đồng vay ngày 01 tháng 7 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 01 tháng 8 năm 2021 nhằm bổ sung vốn lưu động với số tiền 730.000 USD, lãi suất một năm bằng lãi suất VNIBOR 12 tháng cộng 2,5%. Lãi phát chậm trả bằng lãi suất một năm cộng 5%. Hạn thanh toán toàn bộ gốc và lãi được gia hạn đến ngày 01 tháng 8 năm 2023.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		LNST chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	188.700.000.000	188.700.000.000	15.480.000.000	15.480.000.000	2.596.615.372	2.596.615.372	337.031.314	337.031.314	(41.592.625.133)	165.521.021.553	165.521.021.553	165.521.021.553
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	994.298.424	994.298.424	994.298.424	994.298.424
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	(135.000.000)	(135.000.000)	(135.000.000)	(135.000.000)
Số dư đầu năm nay	188.700.000.000	188.700.000.000	15.480.000.000	15.480.000.000	2.596.615.372	2.596.615.372	337.031.314	337.031.314	(40.733.326.709)	166.380.319.977	166.380.319.977	166.380.319.977
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.876.731.111)	(7.876.731.111)	(7.876.731.111)	(7.876.731.111)
Số dư cuối năm nay	188.700.000.000	188.700.000.000	15.480.000.000	15.480.000.000	2.596.615.372	2.596.615.372	337.031.314	337.031.314	(48.610.057.820)	158.503.588.866	158.503.588.866	158.503.588.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 25 tháng 3 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	-	0,0%	-	0,0%
Bà Nguyễn Thanh Tú	70.634.000.000	37,4%	42.917.000.000	22,7%
Bà Thái Thị Duyên Hải	-	0,0%	27.717.000.000	14,7%
Ông Zhu ZhiLin	41.000.000.000	21,7%	47.000.000.000	24,9%
Ông Cheng Qing Huang	17.609.000.000	9,3%	17.148.000.000	9,1%
Prism Energy International Hong Kong Limited	9.435.000.000	5,0%	9.435.000.000	5,0%
Các đối tượng khác	50.022.000.000	26,5%	44.483.000.000	23,6%
Cộng	188.700.000.000	100%	188.700.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số đầu năm	Số cuối năm
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	188.700.000.000	188.700.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	188.700.000.000	188.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số đầu năm	Số cuối năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.870.000	18.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

25. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(USD)	(USD)
Ngoại tệ các loại	869,82	883,02

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BẢO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp tạo ra phần lớn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra tại một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.696.310.918	309.092.519.276
Doanh thu bán hàng hóa	339.887.053.746	304.832.831.824
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.550.893.425	4.133.960.178
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.258.363.747	125.727.274
Các khoản giảm trừ doanh thu	183.326.895	7.864.478
Chiết khấu thương mại	183.326.895	7.864.478
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.512.984.023	309.084.654.798

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng hóa	323.481.382.031	281.637.870.196
Giá vốn hoạt động xây dựng	4.345.229.531	2.914.534.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	569.005.901	-
Cộng	328.395.617.463	284.552.404.662

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	551.004.096	2.725.081.444
Lãi cho vay	2.278.242.408	3.487.101.583
Lãi chênh lệch tỷ giá	576.766.521	48.563.537
Cộng	3.406.013.025	6.260.746.564

Trong đó doanh thu hoạt động tài chính với bên liên quan:

Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú	1.554.400.092	3.487.101.583
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung	11.753.425	-

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	1.339.549.993	1.263.872.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.402.017.468	503.700.000
Chi phí tài chính khác	-	60.000.000
Cộng	2.741.567.461	1.827.572.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	12.229.699.120	11.388.928.592
Chi phí nhân viên	5.702.097.292	4.694.808.654
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.818.618.624	2.011.407.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	4.708.983.204	4.682.712.439
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	14.426.383.227	15.239.181.449
Chi phí nhân viên	5.815.283.432	5.278.586.953
Chi phí khấu hao TSCĐ	408.477.412	273.376.390
Thuế, phí và lệ phí	6.756.871	7.059.619
Chi phí dự phòng	2.024.435.242	1.128.491.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.171.430.270	8.551.667.112
Cộng	26.656.082.347	26.628.110.041

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.182.147.986	4.616.845.103
Chi phí nhân công	12.873.782.694	11.153.442.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.227.096.036	2.284.783.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	11.218.068.613	14.269.366.076
Chi phí dự phòng	2.537.013.076	-
Cộng	32.038.108.405	32.324.437.480

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	199.927
Xử lý số dư nhỏ lẻ	-	26.036
Hoàn nhập chi phí bảo hành	258.693.746	16.368.394
Cộng	258.693.746	16.594.357

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phân bổ tiền thuê đất	834.219.516	853.221.996
Chi phí khấu hao tài sản	119.491.143	119.491.143
Các khoản bị phạt	452.693.692	71.713.291
Lỗ do thanh lý TSCĐ	1.901.617	-
Chi phí khác	32.307	168.000.000
Cộng	1.408.338.275	1.212.426.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(7.876.731.111)	994.298.424
Điều chỉnh thù lao Hội đồng Quản trị	-	(135.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.876.731.111)	859.298.424
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(417,42)	45,54
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư được trình bày tại các Thuyết minh số 8; 9; 16; 24 và 29, trong năm, Công ty còn có một số giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú		
Mua hàng hóa dịch vụ	263.000.000	-
Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	284.040.000	-
Lãi cho vay	1.554.400.092	3.487.101.583
Thu lãi cho vay	-	300.000.000
Công ty TNHH VN Gas - Đắk Lắk		
Chuyển tiền nội bộ	203.700.000	272.320.000
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Everyoung		
Góp vốn	-	16.450.000.000
Tạm ứng		
Ông Lyu ZhiMing	165.000.000	70.000.000
Ông Zhu ZhiLin	1.500.000.000	1.444.000.000
Ông Wu ZhiJun	-	2.000.000.000
Hoàn ứng		
Ông Lyu ZhiMing	160.000.000	70.000.000
Ông Zhu ZhiLin	1.500.000.000	63.309.302
Ông Wu ZhiJun	-	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc:

		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Chức vụ	739.161.758	222.500.000
Bà Nguyễn Thanh Tú	Chủ tịch	254.880.000	186.500.000
Ông Yang XiaoDong	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2024)	250.813.091	12.000.000
Ông Huang HongJian	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2024)	107.992.000	12.000.000
Bà Phạm Quế Linh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2024)	77.061.429	12.000.000
Ông Yang XiaoWei	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2024)	48.415.238	-
Ban Giám đốc		362.205.265	197.646.000
Ông Lyu ZhiMing	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 25/10/2024)	362.205.265	197.646.000
	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2024)		
Ban Kiểm soát		60.992.205	29.000.000
Ông Zhang Bin	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)	11.200.000	12.000.000
Bà Đặng Thị Thu Giang	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2023)	9.450.000	9.000.000
Ông Gao ZhiXin	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)	-	8.000.000
Bà Phan Thị Bích Hà	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)	40.342.205	-

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

38. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.



Triệu Quang Thanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

Trần Thị Hẹn
Phụ trách kế toán

Nguyễn Quang Đầu
Người lập biểu